



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07963/2024/PKQ (5656.01W2410.0756)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Bể chứa trạm A-Khu Tập thể nhà A - Phường Thanh Xuân Bắc
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl ⁻ G: 2017	0,49	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,43	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2410.0756: Bể chứa trạm A-Khu Tập thể nhà A - Phường Thanh Xuân Bắc

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024

VIỆN TRƯỞNG



Đỗ Văn Mạnh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07964/2024/PKQ (5656.01W2410.0757)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Vòi trực tiếp khách hàng nhà 106 A5 - Khu Tập thể nhà A - Phường Thanh Xuân Bắc
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl.G: 2017	0,53	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,36	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2410.0757: Vòi trực tiếp khách hàng nhà 106 A5 - Khu Tập thể nhà A - Phường Thanh Xuân Bắc

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024



VIỆN TRƯỞNG

Đỗ Văn Mạnh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07965/2024/PKQ (5656.01W2410.0758)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Bể chứa trạm B-Khu Tập thể nhà B - Phường Thanh Xuân Bắc
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024
: 16/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl ₂ G: 2017	0,58	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,23	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2410.0758: Bể chứa trạm B-Khu Tập thể nhà B - Phường Thanh Xuân Bắc

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường

VIỆN TRƯỞNG

Đỗ Văn Mạnh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07966/2024/PKQ (5656.01W2410.0759)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Vòi trực tiếp khách hàng nhà 122B1- Khu Tập thể nhà B - Phường Thanh Xuân Bắc
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl.G: 2017	0,53	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,27	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2410.0759: Vòi trực tiếp khách hàng nhà 122B1- Khu Tập thể nhà B - Phường Thanh Xuân Bắc

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024

VIỆN TRƯỞNG

Đỗ Văn Mạnh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07967/2024/PKQ (5656.01W2410.0760)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Bể chứa trạm C- Khu Tập thể nhà C - Phường Thanh Xuân Bắc
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017	0,54	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,20	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2410.0760: Bể chứa trạm C- Khu Tập thể nhà C - Phường Thanh Xuân Bắc

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường





PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07968/2024/PKQ (5656.01W2410.0761)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Vòi trực tiếp khách hàng nhà 122 C16-Khu Tập thể nhà C - Phường Thanh Xuân Bắc
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017	0,53	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,15	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2410.0761: Vòi trực tiếp khách hàng nhà 122 C16-Khu Tập thể nhà C - Phường Thanh Xuân Bắc

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024





PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07969/2024/PKQ (5656.01W2410.0762)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Bể chứa trạm D-Khu Tập thể nhà D - Phường Thanh Xuân Bắc
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017	0,58	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,0	trong khoảng 6,0- 8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2410.0762: Bể chứa trạm D-Khu Tập thể nhà D - Phường Thanh Xuân Bắc

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường



Đỗ Văn Mạnh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07970/2024/PKQ (5656.01W2410.0763)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Vòi trực tiếp khách hàng nhà 105 D2-Khu Tập thể nhà D - Phường Thanh Xuân Bắc
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl ₂ G: 2017	0,50	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,25	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2410.0763: Vòi trực tiếp khách hàng nhà 105 D2-Khu Tập thể nhà D - Phường Thanh Xuân Bắc

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024

VIỆN TRƯỞNG



Đỗ Văn Mạnh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07971/2024/PKQ (5656.01W2410.0764)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Bể chứa trạm E-Khu Tập thể nhà E - Phường Thanh Xuân Bắc
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl.G: 2017	0,55	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,34	trong khoảng 6,0- 8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2410.0764: Bể chứa trạm E-Khu Tập thể nhà E - Phường Thanh Xuân Bắc

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường



Đỗ Văn Mạnh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07972/2024/PKQ (5656.01W2410.0765)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Vòi trực tiếp khách hàng nhà 107 E2-Khu Tập thể nhà E - Phường Thanh Xuân Bắc
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017	0,54	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,33	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2410.0765: Vòi trực tiếp khách hàng nhà 107 E2-Khu Tập thể nhà E - Phường Thanh Xuân Bắc

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024

VIỆN TRƯỞNG



Đỗ Văn Mạnh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07973/2024/PKQ (5656.01W2410.0766)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Tủ đồng hồ KH - Đại Học Hà Nội - Đường Nguyễn Trãi
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl.G: 2017	0,49	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,17	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2410.0766: Tủ đồng hồ KH - Đại Học Hà Nội - Đường Nguyễn Trãi

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường



Đỗ Văn Mạnh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07974/2024/PKQ (5656.01W2410.0767)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Bể chứa trạm Thanh Xuân Nam-Ngõ 475 Đường Nguyễn Trãi
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hăm hóa chất, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017	0,52	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,15	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2410.0767: Bể chứa trạm Thanh Xuân Nam-Ngõ 475 Đường Nguyễn Trãi

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường



Đỗ Văn Mạnh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07975/2024/PKQ (5656.01W2410.0768)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Vòi trực tiếp khách hàng nhà số 5 ngõ 475 Nguyễn Trãi- Ngõ 475 Đường Nguyễn Trãi
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl ⁻ G: 2017	0,48	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,07	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: **KPH**- Không phát hiện

- **QCVN 01-1:2018/BYT**: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- **01W2410.0768**: Vòi trực tiếp khách hàng nhà số 5 ngõ 475 Nguyễn Trãi- Ngõ 475 Đường Nguyễn Trãi

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024



Đỗ Văn Mạnh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07976/2024/PKQ (5656.01W2410.0769)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Bể chứa trạm Cao Su- Ngõ 41 Đường Khuong Đình
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017	0,59	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,03	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2410.0769: Bể chứa trạm Cao Su- Ngõ 41 Đường Khuong Đình

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường



Đỗ Văn Mạnh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07977/2024/PKQ (5656.01W2410.0770)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Vòi trực tiếp khách hàng nhà, số 6, 41/22 Khương Đình- Ngõ 41 Đường Khương Đình
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl ⁻ G: 2017	0,54	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,00	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2410.0770: Vòi trực tiếp khách hàng nhà, số 6, 41/22 Khương Đình- Ngõ 41 Đường Khương Đình

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024



Đỗ Văn Mạnh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07978/2024/PKQ (5656.01W2410.0771)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Bể chứa trạm Cơ Khí- Ngõ 129 Đường Nguyễn Trãi
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017	0,57	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,26	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2410.0771: Bể chứa trạm Cơ Khí- Ngõ 129 Đường Nguyễn Trãi

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường



Đỗ Văn Mạnh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07979/2024/PKQ (5656.01W2410.0772)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Vòi trực tiếp khách hàng nhà 104 B3 - Cơ Khí- Ngõ 129 Đường Nguyễn Trãi
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hăm hóa chất, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017	0,58	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,33	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2410.0772: Vòi trực tiếp khách hàng nhà 104 B3 - Cơ Khí- Ngõ 129 Đường Nguyễn Trãi

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường



Đỗ Văn Mạnh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07980/2024/PKQ (5656.01W2410.0773)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Tủ đông hồ khách hàng - Bệnh viện Vinacomin-Ngõ 1 Phố Phan Đình Giót
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl.G: 2017	0,57	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,32	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2410.0773: Tủ đông hồ khách hàng - Bệnh viện Vinacomin-Ngõ 1 Phố Phan Đình Giót

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

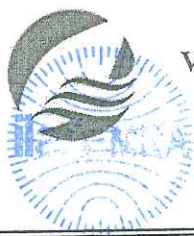
QA/QC

Trần Văn Cường

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024



Đỗ Văn Mạnh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07982/2024/PKQ (5656.01W2410.0775)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Tủ đồng hồ kiểm soát - 9A- Đường Nguyễn Trãi
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl ⁻ G: 2017	0,48	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,19	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2410.0775: Tủ đồng hồ kiểm soát - 9A- Đường Nguyễn Trãi

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường



Đỗ Văn Mạnh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07983/2024/PKQ (5656.01W2410.0776)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Tủ đông hồ khách hàng PCC1_44_TrieuKhuc- Đường Triều Khúc
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl.G: 2017	0,48	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,34	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2410.0776: Tủ đông hồ khách hàng PCC1_44_TrieuKhuc- Đường Triều Khúc

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường



Đỗ Văn Mạnh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07991/2024/PKQ (5656.01W2410.0784)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Bể chứa trạm Kim Giang- Ngõ 80 Đường Hoàng Đạo Thành
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl.G: 2017	0,54	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,18	trong khoảng 6,0- 8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2410.0784: Bể chứa trạm Kim Giang- Ngõ 80 Đường Hoàng Đạo Thành

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
NĂNG LƯỢNG VÀ
MÔI TRƯỜNG
Đỗ Văn Mạnh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07992/2024/PKQ (5656.01W2410.0785)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Vòi trực tiếp khách hàng nhà số 39 - Ngõ 80 Đường Hoàng Đạo Thành
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017	0,49	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,31	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2410.0785: Vòi trực tiếp khách hàng nhà số 39 - Ngõ 80 Đường Hoàng Đạo Thành

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024

VIỆN TRƯỞNG

Đỗ Văn Mạnh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07993/2024/PKQ (5656.01W2410.0786)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Tủ đông hồ kiểm soát - 5A-Ngã Tư Nguyễn Trãi - Nguyễn Xiển
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017	0,59	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,39	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2410.0786: Tủ đông hồ kiểm soát - 5A-Ngã Tư Nguyễn Trãi - Nguyễn Xiển

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường



Đỗ Văn Mạnh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07994/2024/PKQ (5656.01W2410.0787)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Tủ đông hồ khách hàng - N02_275_NguyenTrai- Đường Nguyễn Trãi
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017	0,52	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,00	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: **KPH**- Không phát hiện

- **QCVN 01-1:2018/BYT**: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- **01W2410.0787**: Tủ đông hồ khách hàng - N02_275_NguyenTrai- Đường Nguyễn Trãi -
(a): Thông số được Vilas công nhận;

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024



Đỗ Văn Mạnh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07995/2024/PKQ (5656.01W2410.0789)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Tủ đồng hồ kiểm soát - DN250_241VuTongPhan- Số 241 Vũ Tông Phan
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024
: 16/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl.G: 2017	0,56	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,15	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2410.0789: Tủ đồng hồ kiểm soát - DN250_241VuTongPhan- Số 241 Vũ Tông Phan

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Vũ Văn Tú

QA/QC

Phạm Hải Long





PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07996/2024/PKQ (5656.01W2410.0790)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Tủ đồng hồ khách hàng - Riverside_VuTongPhan- Phố Vũ Tông Phan
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl.G: 2017	0,46	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,11	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2410.0790: Tủ đồng hồ khách hàng - Riverside_VuTongPhan- Phố Vũ Tông Phan

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Vũ Văn Tú

QA/QC

Phạm Hải Long



Đỗ Văn Mạnh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07997/2024/PKQ (5656.01W2410.0791)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Tủ đồng hồ kiểm soát - DN250_KhuongHa- Phố Vũ Tông Phan
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024
Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl.G: 2017	0,59	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,15	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2410.0791: Tủ đồng hồ kiểm soát- DN250_KhuongHa- Phố Vũ Tông Phan

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Vũ Văn Tú

QA/QC

Phạm Hải Long

VIỆN TRƯỞNG
Đỗ Văn Mạnh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 08012/2024/PKQ (5698.01W2410.0855)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Tủ đông hồ kiểm soát - KS_3B- Ngã ba Nguyễn Trãi - Nguyễn Tuấn
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 18/10/2024
Thời gian thử nghiệm : 18/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl.G: 2017	0,53	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,05	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: **KPH**- Không phát hiện

- **QCVN 01-1:2018/BYT**: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- **01W2410.0855**: Tủ đông hồ kiểm soát - KS_3B- Ngã ba Nguyễn Trãi - Nguyễn Tuấn

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024



Đỗ Văn Mạnh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 08013/2024/PKQ (5698.01W2410.0856)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Tủ đông hồ khách hàng - 47 Nguyễn Tuấn- Số 47 Nguyễn Tuấn
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 18/10/2024
Thời gian thử nghiệm : 18/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017	0,58	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,14	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2410.0856: Tủ đông hồ khách hàng - 47 Nguyễn Tuấn- Số 47 Nguyễn Tuấn

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường



Đỗ Văn Mạnh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 08014/2024/PKQ (5698.01W2410.0857)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Tủ đông hồ khách hàng - ThongNhat_Complex- Số 82 - Nguyễn
Loại mẫu : Tuân
Tình trạng mẫu : Nước sạch
Số lượng mẫu : PE 1,0L không hăm hóa chất, bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian thử nghiệm : 01
: 18/10/2024
: 18/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl.G: 2017	0,59	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,24	trong khoảng 6,0- 8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2410.0857: Tủ đông hồ khách hàng - ThongNhat_Complex- Số 82 - Nguyễn Tuân -
(a): Thông số được Vilas công nhận;

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024



Đỗ Văn Mạnh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 08015/2024/PKQ (5698.01W2410.0858)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Tủ đông hồ khách hàng - DH_HBI_203 NguyenHuyTuong- 203 Nguyễn Huy Tường
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hăm hóa chất, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 18/10/2024
Thời gian thử nghiệm : 18/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl.G: 2017	0,57	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,40	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2410.0858: Tủ đông hồ khách hàng - DH_HBI_203 NguyenHuyTuong- 203 Nguyễn Huy Tường

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024





PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 08016/2024/PKQ (5698.01W2410.0859)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Bể chứa tòa nhà N2F - Khu Đô Thị Nhà N- Trung Hòa- Nhân Chính
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 18/10/2024
Thời gian thử nghiệm : 18/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl.G: 2017	0,58	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,00	trong khoảng 6,0- 8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2410.0859: Bể chứa tòa nhà N2F - Khu Đô Thị Nhà N- Trung Hòa- Nhân Chính

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

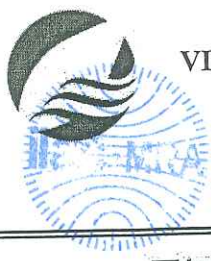
QA/QC

Trần Văn Cường

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024

VIỆN TRƯỞNG

Đỗ Văn Mạnh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 08017/2024/PKQ (5698.01W2410.0860)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Vòi sử dụng khách hàng tầng 1 tòa nhà N2F- Khu Đô Thị Nhà N Trung Hòa Nhân Chính
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 18/10/2024
Thời gian thử nghiệm : 18/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017	0,53	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,00	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2410.0860: Vòi sử dụng khách hàng tầng 1 tòa nhà N2F- Khu Đô Thị Nhà N Trung Hòa Nhân Chính

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024

VIỆN TRƯỞNG

Đỗ Văn Mạnh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 08018/2024/PKQ (5698.01W2410.0861)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Bể chứa tòa nhà 17T10- Đường Nguyễn Thị Định
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 18/10/2024
Thời gian thử nghiệm : 18/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017	0,56	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,42	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2410.0861: Bể chứa tòa nhà 17T10- Đường Nguyễn Thị Định

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường



Đỗ Văn Mạnh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 08019/2024/PKQ (5698.01W2410.0862)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Khách hàng phòng 1412 tòa nhà 17T10- Đường Nguyễn Thị Định
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 18/10/2024
Thời gian thử nghiệm : 18/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017	0,50	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,34	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2410.0862: Khách hàng phòng 1412 tòa nhà 17T10 Đường Nguyễn Thị Định

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường

VIỆN TRƯỞNG
Đỗ Văn Mạnh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 08020/2024/PKQ (5698.01W2410.0863)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Tủ đồng hồ kiểm soát - DN150_Nha N-Lê Văn Lương - Hoàng Đạo Thúy
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 18/10/2024
Thời gian thử nghiệm : 18/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl.G: 2017	0,56	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,19	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2410.0863: Tủ đồng hồ kiểm soát - DN150_Nha N-Lê Văn Lương - Hoàng Đạo Thúy

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường





PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 08021/2024/PKQ (5698.01W2410.0864)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Tủ đồng hồ kiểm soát - KS_11B- Ngã Tư Khuất Duy Tiến Giao Tổ Hữu
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 18/10/2024
Thời gian thử nghiệm : 18/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl.G: 2017	0,53	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,00	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2410.0864: Tủ đồng hồ kiểm soát - KS_11B- Ngã Tư Khuất Duy Tiến Giao Tổ Hữu

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường



Đỗ Văn Mạnh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07998/2024/PKQ (5698.01W2410.0841)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Tủ đông hồ khách hàng Royal City- Đường Nguyễn Trãi
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 18/10/2024
Thời gian thử nghiệm : 18/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl ₂ G: 2017	0,53	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,13	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2410.0841: Tủ đông hồ khách hàng Royal City- Đường Nguyễn Trãi

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Vũ Văn Tú

QA/QC

Phạm Hải Long

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024

VIỆN TRƯỞNG



Đỗ Văn Mạnh